

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐDTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 05/11/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P3+CTK3+BK10	7:25	22+0+0	0+0+0		12+6+2	0+0+0	chuyen 2 CTK3-BK10
2		P5+CLO+TGTH5	7:25	18+0+2	0+0+0		15+5+2	0+0+0	
3		BK14+CNV+AMD+HST	7:25	0+0+17+2	0+0+0+0		0+0+17+1	0+0+0+0	chuyen 2 BK14-CNVchuyen 3 CNV-HST
4		BK8+P7+TGTH4	9:25	2+11+3	0+0+0		0+14+4	0+0+0	
5		P6+BK21+P4	9:25	5+0+17	0+0+0		2+0+17	0+0+0	chuyen 1 p6-bk21
6		AMD+P5+P1	9:25	12+3+0	0+0+0		2+17+0	0+0+0	chuyen 2 P5-P1
7		TD3+P9+P4	11:25	1+2+16	0+0+0		0+0+13	0+0+0	chuyen 3 TD3-p9
8		P3+P8+MRM	11:25	9+10+3	0+0+0		0+0+5	0+0+0	

TTĐBSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ 2 người CTK3 về để đi P9, 2 người cả bk10 về bờ đi BK8
2/1 người CLO về bờ để đi TD3

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2021	TO: P3 - CTK3 - BK10	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:32
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: Dương - Phong - N.Nam	ETA: 09:15
CAM-1			

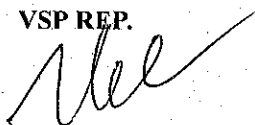
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TUẤN VIỆT	P3	02	1	9		90	ĐANG KIẾN	Vietnamese
2	BUI SONG TOAN	P3	88	1	7		75	ĐANG KIẾN	Vietnamese
3	VAN MINH TAN	P3	94	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
4	LAM TUAN KHAI	P3	31-32	2	11		63	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN TRƯỞNG	P3	33	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
6	PHẠM KHÁC ĐOÀN	P3	39	1	5		57	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THANH PHONG	P3	97	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ KHAI ĐẠT	P3	92-93	2	15		95	KH-THAC	Vietnamese
9	CHAU ĐÌNH TU	P3	38	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
10	TRẦN CÔNG THANH	P3	30	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN TRỌNG VŨ	P3	87-88	2	13	10	76	KH-THAC	Vietnamese
12	LÊ TRUNG TIẾN	P3	98-99	2	10		75	GETRACO	Vietnamese
13	BUI VĂN QUỐC	P3	95	1	5		57	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN KIẾN	P3	96	1	5		57	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN HOÀI	P3	85	1	6		57	GETRACO	Vietnamese
16	NGUYỄN TRỌNG BÌNH	P3	34-35	2	12		70	YTE	Vietnamese
17	ĐOÀN HIỆP THỌ	P3	89	1	18		67	DUY LINH	Vietnamese
18	LÊ ĐÌNH HÙNG	P3	36-37	2	16		47	DUY LINH	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC HỘI	P3	91	1	15		62	DUY LINH	Vietnamese
20	BUI VĂN CHUNG	P3	86	1	5		63	DUY LINH	Vietnamese
21	PHẠM CÔNG HẬU	P3	40,84	2	15		66	DUY LINH	Vietnamese
22	TRẦN VĂN DŨNG	P3	90	1	10		60	DUY LINH	Vietnamese

FLIGHT PLAN

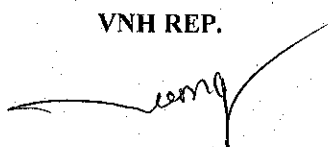
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	22	29	205	1.487	10	12		CHUYEN 2 PAX TU CTK3 SANG BK10
2	CTK3	0	0	0	0	60	6+2		
3	BK10	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	29	205	1.487	70	20		
WEIGHT KG				205	1.487	70			

GRAND TOAL: 1.762 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	TO: P5 - CLO - TGTH5	CREW: TTrung - Hôi - HIẾU - Tú	ETA: 09:15
VANG-1			

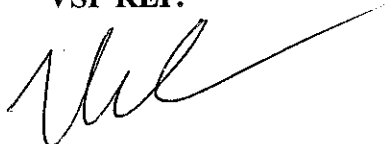
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	KIỀU TUẤN ANH	P5	19-20	2	15		69	ĐANG KIỂ	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC TUẤN	P5	17	1	11		79	ĐANG KIỂ	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN TOÀN	P5	07	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI THẾ DIỄN	P5	18	1	11		67	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN VINH	P5	12	1	10		92	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HOANG VIỆT	P5	16	1	8		79	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO ĐÌNH HUY	P5	08	1	9	40	80	KH-THAC	Vietnamese
8	TÔNG XUÂN SINH	P5	13-14	2	16		65	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN NGỌC	P5	09	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
10	ĐOÀN ĐÌNH PHẠC	P5	06	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN CAO MẠNH	P5	21-22	2	9		71	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TUẤN MINH	P5	01	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
13	HOANG VĂN TRUNG	P5	02-03	2	13		70	YTE	Vietnamese
14	ĐẠO XUÂN THANH	P5	10	1	3		65	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN VĂN TRƯỜNG	P5	15	1	5		67	PSV	Vietnamese
16	ĐỖ KHẮC ĐÀ	P5	04	1	6		65	PSV	Vietnamese
17	ĐỖ LÝ KHÁNH	P5	11	1	9		82	PSV	Vietnamese
18	LÊ ĐẶC NHA	P5	05	1	5		59	PSV	Vietnamese
19	NGUYỄN TRUNG HIẾU	TGTH5	14-15	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN ĐÌNH	TGTH5	16	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

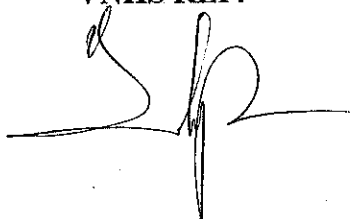
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	18	22	161	1,292	40	15		
2	CLO	0	0	0	0	0	5		
3	TGTH5	2	3	20	140	0	2		
TOTAL		20	25	181	1,432	40	22		
WEIGHT KG				181	1,432	40			

GRAND TOAL: 1.653 KGS

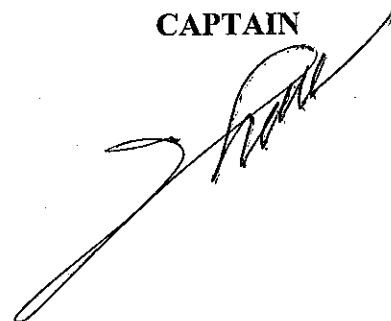
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 05/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:20
FLIGHT: 03	TO: BK14 - CNV - AMD - HST	CREW: HÙNG - Hạnh - MQUÂN - Thành	ETA: 09:00
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM TUÂN HÀ	AMD	52	1	6	15	66	KH-THAC	Vietnamese
2	PHẠM ANH NGŨ	AMD	58	1	8		73	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN ĐÌNH KHANH	AMD	49	1	7		61	KH-THAC	Vietnamese
4	TRƯƠNG THẾ HIỂN	AMD	64	1	11		73	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐOÀN TÂN TRI	AMD	40-41	2	20		76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGÔ BA THANH	AMD	50	1	8		66	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN THUY	AMD	46-47	2	16		77	KH-THAC	Vietnamese
8	VU NHU HIEN	AMD	63	1	10		78	HLJOC	Vietnamese
9	PHAN SY DUYET	AMD	61-62	2	10		77	HLJOC	Vietnamese
10	NGUYỄN HỒNG SƠN	AMD	56-57	2	13		61	DK ABS	Vietnamese
11	PHẠM THANH HÙNG	AMD	42-43	2	15	17	60	KH-THAC	Vietnamese
12	PHẠM VĂN QUANG	AMD	39	1	6		71	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐẶNG MINH ĐỨC	AMD	51	1	8		76	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH HOÀNG	AMD	59	1	10	17	91	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ THANH TÂN	AMD	66-67	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN CÔNG THÀNH	AMD	53-55	3	20		66	KH-THAC	Vietnamese
17	CHU HỮU CHÍNH	AMD	48	1	8		58	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK14	0	0	0	0	0	0+2		CHUYEN 2 PAX TU BK14 SANG CNV CHUYEN 3 PAX TU CNV SANG HST
2	CNV	0	0	0	0	85	0+3		
3	AMD	17	25	188	1.200	49	17		
4	HST	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		17	25	188	1.200	134	17		
WEIGHT KG				188	1.200	134			

GRAND TOAL: 1.522 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2021	TO: BK8 - P7 - TGTH4	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:45
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: Dương - Phong - N Nam	ETA: 11:25
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐẶNG SỰ	BK8				22	72	CODIEN	Vietnamese
2	CHU TUAN ANH	BK8				35	65	CODIEN	Vietnamese
3	BUI TRỌNG NGHĨA	P7	20	1	6	40	75	KH-THAC	Vietnamese
4	LAM ĐĂNG GIANG	P7	23	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH TRỌNG	P7	16	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI VĂN SƠN	P7	21	1	4		61	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAN TIẾN HIỆP	P7	19	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
8	MAI CÔNG LAN	P7	17	1	4		63	KH-THAC	Vietnamese
9	TRỊNH VĂN PHƯỢNG	P7					80	KH-THAC	Vietnamese
10	HOÀNG MẠNH CUÔNG	P7	26-27	2	7		65	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN MINH THANH	P7	24-25	2	20		52	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐÀO TUÂN CHU	P7	18	1	2		68	PSV	Vietnamese
13	LÊ ĐỨC CUÔNG	P7	22	1	5		65	PSV	Vietnamese
14	LÊ QUANG VIỆT	TGTH4	05	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
15	PHẠM VIỆT ĐỨC	TGTH4	03-04	2	20		82	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ THANH DANH	TGTH4	06-07	2	12		68	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

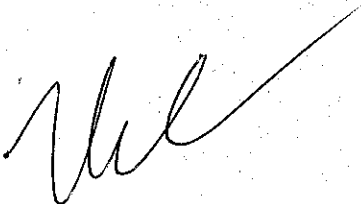
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	2	0	0	137	57	0		
2	P7	11	12	67	734	40	14		
3	TGTH4	3	5	42	221	0	4		
TOTAL		16	17	109	1.092	97	18		
WEIGHT KG				109	1.092	97			

GRAND TOAL: 1.298 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN







FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: P6 - P4 - BK21	CREW: HÙNG - Hạnh - MQUÂN -	ETA: 11:10
XANH-2		Thành	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HỮU HẠNH	P6	62	1	10	20	62	XAYLAP	Vietnamese
2	BUI QUANG ANH	P6	65-66	2	20		67	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN TRỌNG QUÊ	P6	67	1	14	20	70	XAYLAP	Vietnamese
4	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH	P6	69	1	20	40	68	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH VINH	P6	70-71	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
6	KOLECHIK A.IO	P4	75	1	6	15	108	KHI	Russian
7	PHẠM ĐỨC HIỆP	P4	02	1	4		79	KHI	Vietnamese
8	VŨ PHƯƠNG HUY	P4	58-59	2	12		68	ĐANG KIỆ	Vietnamese
9	NGUYỄN TUẤN VIỆT	P4	74	1	6		78	ĐANG KIỆ	Vietnamese
10	ĐỖ HỮU NAM	P4	61-62	2	18		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN SĨ TUẤN	P4	69	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẠO MINH TUẤN	P4	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN ANH ĐỨC	P4	01	1	6		92	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VĂN CHIẾN	P4	63	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẶNG HỒNG VIỆT	P4	60	1	8		55	KH-THAC	Vietnamese
16	TRẦN NGUYỄN BẢO MINH	P4	71	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
17	LÂM VĂN PHÚC	P4	73	1	5		66	KH-THAC	Vietnamese
18	HOÀNG KHẮC DU	P4	65	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN THANH HẢI	P4	66	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI THANH CAM	P4	67-68	2	8		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN TRƯỜNG THANH	P4	70	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
22	LÂM XUÂN HẢI	P4	64	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	5	7	84	339	80	2+1		CHUYEN 1 PAX P6-BK21
2	P4	17	20	122	1.247	15	17		
3	BK21	0	0	0	0	15	0		
TOTAL		22	27	206	1.586	110	19		
WEIGHT KG				206	1.586	110			

GRAND TOAL: 1.902 KGS

VSP REP.

[Signature]

VNHS REP.

[Signature]

CAPTAIN

[Signature]

FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2021	TO: AMD - P5 - P1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:50
FLIGHT: 06	FROM: VT	CREW: TTrung - Hồi - HIẾU - Tú	ETA: 11:30
CAM-2			

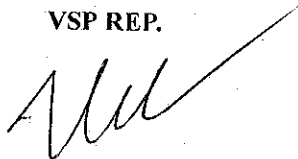
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ THANH TÙNG	AMD	81	1	6	40	65	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN MẠNH CÂN	AMD	78	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
3	PHÙNG THẾ TÀI	AMD	73-74	2	18		65	XAYIAP	Vietnamese
4	VŨ QUANG TRƯỜNG	AMD	86	1	15		70	XAYIAP	Vietnamese
5	VŨ XUÂN CHÍNH	AMD	69-70	2	20		63	XAYIAP	Vietnamese
6	LÊ VĂN NIN	AMD	79-80	2	12		69	XAYIAP	Vietnamese
7	TRẦN VIỆT HÙNG	AMD	72	1	15		80	XAYIAP	Vietnamese
8	BUI MẠNH HÀ	AMD	85	1	5		90	XAYIAP	Vietnamese
9	LẠI HUY CƯỜNG	AMD	75	1	9		63	XAYIAP	Vietnamese
10	NGUYỄN MINH THAI	AMD	76-77	2	16		78	XAYIAP	Vietnamese
11	PHẠM VĂN TUÂN	AMD	82	1	4		80	PSV	Vietnamese
12	TRẦN CAO TẠNG	AMD	71	1	5		72	PSV	Vietnamese
13	NGUYỄN HOÀI THANH	P5	86	1	6	6	65	PSV	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN DƯ	P5	87	1	9		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

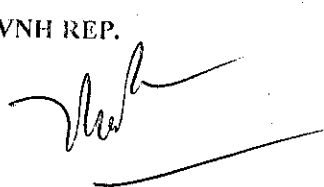
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	12	16	130	860	40	2		CHUYEN 2 PAX TU P5 SANG P1
2	P5	2	2	15	130	6	17		
3	P1	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		14	18	145	990	46	19		
WEIGHT KG				145	990	46			

GRAND TOAL: 1.181 KGS

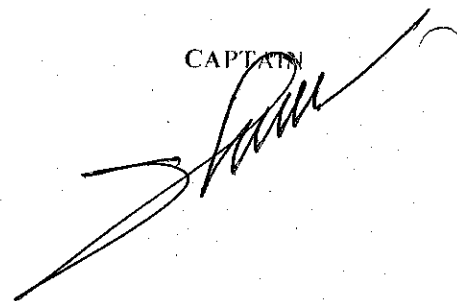
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 11:55
FLIGHT: 07	TO: TD3 - P10 - P4	CREW: VThắng - ĐNam - NNam	ETA: 13:35
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	SHMAKOV	TD3	37	1	10		82	KHOAN	Russian
2	NGUYỄN THANH NAM	P4	45	1	4	35	70	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG TÍNH	P4	46	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC MINH	P4	50	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM NGỌC HÙNG	P4	53	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN THƯƠNG	P4	44	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN HÙNG BAY	P4	47	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
8	TUÔNG ANH CÁC	P4	41	1	7		68	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH TÂM	P4	56	1	10		70	YTE	Vietnamese
10	NGUYỄN ĐĂNG NGUYỄN	P4	55	1	5		80	PSV	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN NGHỊ	P4	48	1	5		71	PSV	Vietnamese
12	TRẦN THANH LIÊM	P4	43	1	10		68	PSV	Vietnamese
13	BUI VĂN MUỘI	P4	54	1	5		55	PSV	Vietnamese
14	NGUYỄN XUÂN ĐÔNG	P4	52	1	7		55	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TRUNG THẮNG	P4	42	1	13		82	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN AI	P4	51	1	3		53	PSV	Vietnamese
17	PHẠM XUÂN HÙNG	P4	49	1	5		68	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

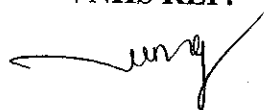
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD3	1	1	10	82	0	0+2		CHUYEN 2 PAX TD3SANG P10
2	P10	0	0	0	0	0	0		
3	P4	16	16	109	1.087	35	13		
TOTAL		17	17	119	1.169	35	13		
WEIGHT KG				119	1.169	35			

GRAND TOAL: 1.323 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 05/11/2021	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 11:40
FLIGHT: 08	TO: P3 - P8 - P9	CREW: Hạnh - XTrường - Vũ	ETA: 13:20
VANG-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ VĂN THĂNG	P3	91	1	18		54	DUY LINH	Vietnamese
2	NGUYỄN TRUNG HIỆU	P3	90	1	14		65	DUY LINH	Vietnamese
3	NGUYỄN CANH CHUNG	P3	89	1	11		65	DUY LINH	Vietnamese
4	LÊ VĂN SƠN	P3	87	1	6		55	DUY LINH	Vietnamese
5	ĐẶNG VĂN HÙNG	P3	86	1	8		80	DUY LINH	Vietnamese
6	NGUYỄN QUANG HÀ	P3	92-93	2	15		60	DUY LINH	Vietnamese
7	LƯU VĂN THỌ	P3	84-85	2	16		61	DUY LINH	Vietnamese
8	LÊ THANH	P3	88	1	9		58	DUY LINH	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	P3	94-95	2	11		55	DUY LINH	Vietnamese
10	NGUYỄN XUÂN PHỒ	P8	80-81	2	10	30	60	NAM TIEN	Vietnamese
11	HÀ HUYNH XUÂN DIỆP	P8	79	1	11		72	NAM TIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN TRẦN TÍN	P8	86	1	12		65	NAM TIEN	Vietnamese
13	LÊ VĂN NGỌC	P8	85	1	7		64	NAM TIEN	Vietnamese
14	ĐO VĂN KHUYNH	P8	84	1	9		60	NAM TIEN	Vietnamese
15	DUƠNG NGỌC PHƯƠNG	P8	82-83	2	16		58	NAM TIEN	Vietnamese
16	ĐINH NGỌC CHÍNH	P8	93	1	10		60	NAM TIEN	Vietnamese
17	GIANG VĂN VƯƠNG	P8	92	1	7		60	NAM TIEN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRỌNG DAN	P8	91	1	11		75	NAM TIEN	Vietnamese
19	NGUYỄN XUÂN CƯỜNG	P8	89-90	2	8		60	NAM TIEN	Vietnamese
20	PHẠM THỊ PHONG	P9	95	1	8		62	KH-THAC	Vietnamese
21	DUƠNG MẠNH PHU	P9	94	1	11		78	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	9	12	108	553	0	0		
2	P8	10	13	101	634	30	0		
3	P9	2	2	19	140	0	0		
TOTAL		21	27	228	1.327	30	0		
WEIGHT KG				228	1.327	30			

GRAND TOAL: 1.585 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/11/2021

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		TD2+P10+MRM	7:25	18+4+0	0+0+0+0		8+4+0	0+0+0+0	CHUYEN 1 TD2 MRM
2		TD2+RP3+RC6	9:25	22+0+0	0+0+0		14+0+2	0+0+0	CHUYEN 10 - TD1-BK14

TTBBSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2021	TO: P10 - TD2 - MRM	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: LTuấn - VThắng - NNam	ETA: 09:30
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN XUAN DONG	P10	35	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN QUOC KHOI	P10	34	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN LE DANG QUANG	P10	33	1	14		86	KH-THAC	Vietnamese
4	VU ANH TUAN	P10	32	1	10		74	KH-THAC	Vietnamese
5	BUI VAN CHINH	TD2	92	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
6	LY ANH TUAN	TD2	25	1	6		94	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYEN THANH ANH	TD2	26	1	5		72	KHOAN	Vietnamese
8	PHAN MANH CUONG	TD2	99	1	7		81	KHOAN	Vietnamese
9	LE ANH QUAN	TD2	23-24	2	12		72	KHOAN	Vietnamese
10	NGO VAN HUY	TD2	96-97	2	6		76	KHOAN	Vietnamese
11	PHAM THANH GIANG	TD2	90	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
12	VU XUAN TRUONG	TD2	95	1	6		66	KHOAN	Vietnamese
13	LE QUOC TOAN	TD2	94	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
14	LE HAI SON	TD2	98	1	8		85	KHOAN	Vietnamese
15	TRAN VAN HUNG	TD2	89	1	7		75	KHOAN	Vietnamese
16	CAO DUC VIEN	TD2	27	1	5	27	62	KHOAN	Vietnamese
17	PHAM THE CHUYEN	TD2	87	1	4	55	70	KHOAN	Vietnamese
18	NGUYEN TAI THUYET	TD2	88	1	4		58	KHOAN	Vietnamese
19	TRAN VAN MINH	TD2	93	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
20	HO CHI CONG	TD2	81	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
21	PHAM VAN HUNG	TD2	91	1	4		71	KHOAN	Vietnamese
22	NGO QUANG HUNG	TD2	22	1	11		79	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	4	4	50	310	0	4		CHUYEN 01 PAX TU TD2 SANG MRM
2	TD2	18	20	116	1.306	82	14		
3	MRM	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		22	24	166	1.616	82	18		
WEIGHT KG				166	1.616	82			

GRAND TOAL: 1.864 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 06/11/2021	TO: TD2 - TD1 - BK14	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:55
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LTuấn - VThắng - NNam	ETA: 11:45
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TẠ HOAI TRANG	TD2	84-85	2	19		71	ANTOAN	Vietnamese
2	TRẦN VĂN TUẤN	TD2	63	1	9		65	DUNGQUA	Vietnamese
3	TRƯỜNG THANH NGHIỆM	TD2	98	1	6		59	DUNGQUA	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC PHI	TD2	95	1	7		80	DUNGQUA	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN LANH	TD2	94,65	2	15		67	DUNGQUA	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN KHÔI	TD2	86	1	7		59	DUNGQUA	Vietnamese
7	DIỆP BAO HOA	TD2	69	1	10		72	DUNGQUA	Vietnamese
8	TRƯỜNG VĂN HỒNG	TD2	99	1	8		61	DUNGQUA	Vietnamese
9	ĐỖ VĂN HỒNG	TD2	82	1	7		73	DUNGQUA	Vietnamese
10	TRƯỜNG HỮU VƯỢNG	TD2	71	1	5		78	DUNGQUA	Vietnamese
11	MAI THANH TUẤN	TD2	74	1	9		65	DUNGQUA	Vietnamese
12	VĂN HUY HOÀN	TD2	96	1	9		49	DUNGQUA	Vietnamese
13	NGUYỄN TRIỆU VŨ	TD2	87	1	12		78	DUNGQUA	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN HUYNH	TD2	97	1	7		68	DUNGQUA	Vietnamese
15	NGO VĂN SƠN	TD2	81	1	7		63	DUNGQUA	Vietnamese
16	VÔ MẠNH HÀ	TD2	83	1	11		73	DUNGQUA	Vietnamese
17	LÊ VĂN CƯỜNG	TD2	77-78	2	15		67	DUNGQUA	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN DUYỀN	TD2	72-73	2	10	60	60	DUNGQUA	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN ĐỨC	TD2	79-80	2	17		73	DUNGQUA	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN MẠNH	TD2	64	1	7		60	DUNGQUA	Vietnamese
21	LÊ VĂN HAI	TD2	75-76	2	8		60	DUNGQUA	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD2	21	27	205	1.401	60	8		
2	TD1	0	0	0	0	0	0+10		
3	BK14	0	0	0	0	0	0		CHUYEN 10 PAX TDI SANG BK14
TOTAL		21	27	205	1.401	0	8		
WEIGHT KG				205	1.401	60			

GRAND TOAL: 1.606 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN

